

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M – TP HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27-5-2019.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lâm Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Mạnh Nhanh.

Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hương – Cán bộ TAND huyện M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 27/5/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1984.

Nơi ĐKKHKT: Thôn V, xã H, huyện M, TP Hà Nội.

Nơi cư trú: Ngõ 5, phố D, tổ dân phố T, thị trấn D, huyện M, TP Hà Nội.

- *Bị đơn:* Anh **Đương Quốc V**, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện M, TP Hà Nội.

- Người làm chứng: Bà **Đương Thị D**, sinh năm 1960.

Trú tại: Thôn V, xã H, huyện M, TP Hà Nội.

Chị H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; anh V, bà D vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Dương Quốc V tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 15/02/2008. Sau khi cưới chị H về nhà anh V làm dâu, sống cùng mẹ anh V. Chị H là giáo viên trường THPT H còn anh V làm nghề tự do. Cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do chị và anh có quá nhiều điểm lối sống, làm ăn và phát triển kinh tế gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Tháng 10/2018 vợ chồng anh chị sống ly thân, không còn quan tâm, hỏi han gì đến nhau. Nay thấy tình cảm vợ

chồng không còn nên chị H làm đơn xin ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị có hai con chung, cháu **Dương Minh K** sinh ngày 11/02/2009 và cháu **Dương Nguyên B** sinh ngày 05/7/2012. Từ khi anh chị sống ly thân cháu K ở với anh V, cháu B ở với chị. Vợ chồng ly hôn chị H xin nuôi cháu B và đồng ý giao cháu K cho anh V nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và không có công nợ chung.

Bị đơn là anh Dương Quốc V trình bày và xác nhận: Anh kết hôn với chị H là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Anh thừa nhận vợ chồng có quá mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống, bản thân anh và gia đình đã cố gắng rất nhiều để vợ chồng cải thiện quan hệ cùng nuôi dạy con. Nay chị H xin ly hôn, anh xác nhận anh và chị H có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn, bản thân anh vẫn còn tình cảm với chị H nên anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con.

Về con chung: Trường hợp chị H kiên quyết xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao cháu K cho anh nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh V thừa nhận vợ chồng anh không có tài sản chung, không nợ ai, không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Dương Thị D là mẹ đẻ và ở cùng nH với anh V cho biết: Anh V và chị H tự nguyện kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Sau khi cưới chị H về làm dâu, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc tuy thỉnh thoảng có mâu thuẫn, cãi cọ sau đó lại hòa thuận. Thời gian gần đây anh V, chị H mâu thuẫn. Tháng 10/2018 chị H và anh V sống ly thân, hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Nay chị H xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án tiến Hành hòa giải để vợ chồng anh chị đoàn tụ cùng nuôi dạy con.

Về vấn đề con chung: Anh V, chị H có hai con chung cháu Dương Minh K và Dương Nguyên B. Trước đó anh V đã có quan điểm về vấn đề này nên bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo nguyện vọng của anh V.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh V cũng có quan điểm, ý kiến của mình về vấn đề này nên bà không có ý kiến gì.

Tòa án đã kiên trì tiến Hành hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả do anh V vắng mặt, nguyện vọng của chị H tha thiết xin được ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến Hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H và giao cháu Dương Minh K cho anh V nuôi dưỡng; giao cháu Dương Nguyên B cho chị H nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có yêu cầu mới.
- Tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu H đã làm đơn khởi kiện theo mẫu và nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Dương Quốc V là bị đơn đã được giao các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không chấp Hnh giấy triệu tập của Toà án. Ngày 16/5/2019 Toà án mở phiên tòa lần thứ nhất anh V vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh V đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do lần 2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến Hnh xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H và anh V trên cơ sở tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do vợ chồng có nhiều điểm bất đồng trong cuộc sống hôn nhân. Chị H xin ly hôn, anh V xin đoàn tụ vì cho rằng vẫn còn tình cảm với chị H. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã kiên trì hòa giải nhiều lần để chị H rút đơn đoàn tụ nhưng chị H kiên quyết xin ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục chung sống sẽ không có hạnh phúc và ảnh hưởng đến các con. Việc anh V xin được đoàn tụ nhưng trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh V cũng không đưa ra được

phương pháp để Hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại Biên bản xác ngày 02/5/2019 UBND xã H cho biết: "... Cuộc sống chung vợ chồng anh chị hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều điểm bất đồng trong lối sống, quan điểm sống".

Bà Dương Thị D là mẹ đẻ và chung sống cùng với anh V cho biết: Cuộc sống chung vợ chồng anh V hạnh phúc, thỉnh thoảng có mâu thuẫn cãi cọ sau đó thì hòa thuận. Thời gian gần đây vợ chồng anh chị lại nảy sinh mâu thuẫn, tháng 10/2018 vợ chồng sống ly thân, gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Có đủ căn cứ xác định hôn nhân giữa chị H và anh V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị H có đơn xin ly hôn với anh V là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về vấn đề con chung: Anh V, chị H có hai con chung, cháu Dương Minh K sinh ngày 11/02/2009 và cháu Dương Nguyên B sinh ngày 05/7/2012. Vợ chồng ly hôn chị H xin nuôi cháu B, anh V xin nuôi cháu K. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/3/2019 cháu K có nguyện vọng xin được ở với anh V sau khi bố mẹ ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là ý chí tự nguyện của các bên đương sự, phù hợp quy định của pháp luật và điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển mọi mặt của trẻ nên cần chấp nhận nguyện vọng của chị H, anh V và cháu K. Giao cháu Dương Minh K cho anh V nuôi dưỡng, giao cháu Dương Nguyên B cho chị H nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có yêu cầu mới.

[4] Về tài sản chung: Anh V, chị H đều thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung và không liên quan đến công nợ, không đề nghị Tòa xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Áp dụng Điều 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình;

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Nguyễn Thị Thu H.** Chị **Nguyễn Thị Thu H** được ly hôn anh **Đương Quốc V.**

Về con chung: Giao cháu **Đương Minh K** sinh ngày 11/02/2009 cho anh V nuôi dưỡng, giao cháu **Đương Nguyên B** sinh ngày 05/7/2012 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho các bên cho đến khi có yêu cầu mới.

Anh V, chị H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung: Hai bên đều thừa nhận không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **2133** ngày **31/01/2019** của Chi cục thi hành án dân sự huyện M, TP H Nội.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKS ND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ VA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lâm Bình